

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **218/2020/HS-ST**
Ngày: 07-9-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

2/ Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 213/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Châu Thành T. Sinh năm 1988 tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Trình độ văn hoá: 5/12. Nghề nghiệp: Thợ hồ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Giới T: Nam. Con ông Châu Thành Q và bà Trần Thị T (đã chết); có Vợ: Trần Thị Mỹ Q và 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/05/2020 cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Anh Trần Bình T1, sinh năm 2003; địa chỉ: Xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Cồn Cù, Xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Cồn Cù, Xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

2. Anh Đặng Hoàng H, sinh năm 1985; địa chỉ: Đường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người làm chứng: Hoàng Xuân C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Châu Thành T và Trần Bình T1 là bạn làm C công trình tại tòa nhà S, địa chỉ tại khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và cùng tạm trú tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 27/4/2020, anh Trần Bình T1 điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu xanh-đen, số khung 11AZKJ213XXX, số máy CGA1ID213XXX, biển số 84M1-146.XX chở Châu Thành T đi từ phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát đến tòa nhà S để làm việc. Khi đến nơi, anh T1 gửi xe tại lô B, tầng 2 và lấy thẻ xe bỏ vào trong cốp xe mô tô biển số 84M1-146.XX, còn chìa khóa xe anh T1 để trong một cái hộp đặt tại đồng gạch của công trình. Lúc này, do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định sẽ chiếm đoạt xe mô tô của anh T1 bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, T làm việc đến khoảng 13 giờ 50 phút cùng ngày 27/4/2020 thì quan sát xung quanh thấy vắng người nên T lén lút lấy chìa khóa xe mô tô biển số 84M1-146.XX bỏ vào túi quần, tiếp đó nói với anh T1 là T đi vệ sinh rồi quay lại. Nói xong, T đi đến lô B, tầng 2 tòa nhà S mở cốp xe lấy thẻ xe rồi điều khiển xe mô tô biển số 84M1-146.XX đi đến thành phố Hồ Chí Minh để tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi, T dừng xe lại tháo biển số xe ném đi (không xác định rõ địa chỉ cụ thể) rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đến quận 12, thành phố Hồ Chí Minh tìm nơi bán xe nhưng không bán được nên T thuê phòng nghỉ lại đến ngày 28/4/2020 T nhờ bạn là người nam tên Phi (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú) tìm nơi cầm xe thì Phi dẫn T đến tiệm cầm đồ Hoàng H tại đường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh do anh Đặng Hoàng H làm chủ để cầm chiếc xe mô tô biển số 84M1-146.XX lấy số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng. Số tiền trên T đã tiêu xài hết.

Còn anh Trần Bình T1, do không thấy Châu Thành T quay lại làm việc nên anh T1 đi tìm thì không gặp T, đồng thời thấy mất chìa khóa xe nên anh T1 đến bãi để xe thì thấy xe mô tô đã mất nên anh T1 hỏi anh Hoàng Xuân C (là bảo vệ tại cổng ra vào của tòa nhà S) thì được anh C cho biết có một người nam đã xuất trình thẻ và điều khiển xe đi ra khỏi tòa nhà. Anh T1 nghi ngờ T là người lấy trộm xe mô tô nên nhiều lần liên lạc với T nhưng không được nên anh T1 đến Công an phường Hòa Phú trình báo sự việc. Ngày 01/5/2020, anh T1 thấy T đang ở phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên anh T1 yêu cầu T về Công an phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một làm việc. Qua làm việc, T khai nhận hành vi trộm cắp xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu xanh-đen, số khung 11AZKJ213XXX, số máy CGA1ID213XXX, biển số 84M1-146.XX của anh T1 nên Công an phường Hòa Phú chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền.

Cùng ngày 01/5/2020, anh Trần Bình T1 và mẹ là bà Ngô Thị Đ đến tiệm cầm đồ của anh Đặng Hoàng H chuộc xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu xanh đen, số khung 11AZKJ213XXX, số máy CGA1ID213XXX với số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng. Cùng lúc này, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một cũng đến tiệm cầm đồ trên để thu hồi tài sản nên anh H đã giao nộp xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu xanh-đen, số khung 11AZKJ213XXX, số máy CGA1ID213XXX cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 83/KLTS-TTHS ngày 05/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một)

xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu đen-xanh, số khung 11AZKJ213XXX, số máy CGA1ID213XXX, trị giá 54.000.000 (năm mươi bốn triệu) đồng.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu xanh-đen, số khung 11AZKJ213XXX, số máy CGA1ID213XXX, biển số 84M1-146.XX, do bà Ngô Thị Đ đứng tên chủ xe trên Giấy chứng nhận đăng ký xe, quá trình điều tra, xác định: Tháng 01/2020, bà Đ mua xe mô tô trên rồi đưa cho anh T1 sử dụng để làm phương tiện đi lại đến ngày 27/4/2020 thì bị Châu Thành T lấy trộm. Vì vậy, ngày 06/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu xanh-đen, số khung 11AZKJ213XXX, số máy CGA1ID213XXX cho bà Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 72/QĐ-CSĐT ngày 06/5/2020. Hiện tại bà Đ yêu cầu Châu Thành T bồi thường số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng là số tiền bà Đ đã chuộc xe mô tô trên.

Đối với hành vi của anh Đặng Hoàng H, quá trình điều tra, xác định: Anh H không biết đây là xe mô tô do Châu Thành T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một không truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 27/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một có công văn số 556/CV-CSĐT(ĐTTH), đề nghị Công an quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính đối với anh Đặng Hoàng H về hành vi nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó pH có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

Đối với người nam tên Phi do quá trình điều tra không xác định rõ họ, tên và địa chỉ cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý.

Cáo trạng số 225/CT-VKS-HS ngày 05/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Châu Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Châu Thành T bồi thường số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng cho bà Ngô Thị Đ.

Về biện pháp tư pháp: Không có.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Viện Kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 27/4/2020, tại tòa nhà S, địa chỉ tại khu 3, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Châu Thành T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu đen-xanh, số khung 11AZKJ213XXX, số máy CGA1ID213XXX, biển số 84M1-146.XX trị giá 54.000.000 (năm mươi bốn triệu) đồng của anh Trần Bình T1. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm C, cần có mức hình phạt tương xứng với T chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Ngô Thị Đ yêu cầu bị cáo Châu Thành T bồi thường số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường, do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo pH nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Châu Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Châu Thành T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày 01/5/2020.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Châu Thành T bồi thường số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng cho bà Ngô Thị Đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về biện pháp tư pháp: Không có.

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THA thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Châu Giang